

# Tình trạng đô la hóa ở Việt Nam và những giải pháp khắc phục

ĐOÀN VĂN TRƯỜNG

## 1. Khái niệm về đô la hóa

Đô la hóa có thể hiểu một cách thông thường là trong một nền kinh tế khi ngoại tệ được sử dụng một cách rộng rãi thay thế cho đồng bản tệ trong toàn bộ hoặc một số chức năng của tiền tệ, nền kinh tế đó bị coi là đô la hóa toàn bộ hoặc một phần.

Theo tiêu chí của IMF đưa ra, một nền kinh tế được coi là có tình trạng đô la hóa cao khi mà tỷ trọng tiền gửi bằng ngoại tệ chiếm từ 30% trở lên trong tổng khối tiền tệ mở rộng (M2); bao gồm: tiền mặt trong lưu thông, tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, và tiền gửi ngoại tệ. Theo đánh giá của IMF năm 1998 trường hợp đô la hóa cao có 19 nước, trường hợp đô la hóa vừa phải với tỷ lệ tiền gửi ngoại tệ/M2 khoảng 16,4% có 35 nước, trong số đó có Việt Nam.

Đô la hóa được phân ra làm 3 loại: *đô la hóa không chính thức* (unofficial dollarization), *đô la hóa bán chính thức* (semiofficial dollarization), và *đô la hóa chính thức* (official dollarization).

- *Đô la hóa không chính thức* là trường hợp đồng đô la được sử dụng rộng rãi trong nền kinh tế, mặc dù không được quốc gia đó chính thức thừa nhận.

Đô la hóa không chính thức có thể bao gồm các loại sau:

. Các trái phiếu ngoại tệ và các tài sản phi tiền tệ ở nước ngoài.

. Tiền gửi bằng ngoại tệ ở nước ngoài.

. Tiền gửi ngoại tệ ở các ngân hàng trong nước.

. Trái phiếu hay các giấy tờ có giá bằng ngoại tệ cất trong túi.

- *Đô la hóa bán chính thức* là những nước có hệ thống lưu hành chính thức hai đồng tiền. Ở những nước này, đồng ngoại tệ là đồng tiền lưu hành hợp pháp, và thậm chí có thể chiếm ưu thế trong các khoản tiền gửi

ngân hàng, nhưng đóng vai trò thứ cấp trong việc trả lương, thuế và những chi tiêu hàng ngày. Các nước này vẫn duy trì một ngân hàng trung ương để thực hiện chính sách tiền tệ của họ.

- *Đô la hóa chính thức* (hay còn gọi là đô la hóa hoàn toàn) xảy ra khi đồng ngoại tệ là đồng tiền hợp pháp duy nhất được lưu hành. Nghĩa là đồng ngoại tệ không chỉ được sử dụng hợp pháp trong các hợp đồng giữa các bên tư nhân, mà còn hợp pháp trong các khoản thanh toán của Chính phủ. Nếu đồng nội tệ còn tồn tại thì nó chỉ có vai trò thứ yếu và thường chỉ là những đồng tiền xu hay các đồng tiền mệnh giá nhỏ. Thông thường các nước chỉ áp dụng đô la hóa chính thức sau khi đã thất bại trong việc thực thi các chương trình ổn định kinh tế.

Đô la hóa chính thức không có nghĩa là chỉ có một hoặc hai đồng ngoại tệ được lưu hành hợp pháp. Tuy nhiên, các nước đô la hóa chính thức thường chỉ chọn một đồng ngoại tệ làm đồng tiền hợp pháp.

Theo đánh giá của IMF năm 1998, 19 nước có mức độ đô la hóa cao với tỷ lệ tiền gửi ngoại tệ /M2 lớn hơn 30%, bao gồm các nước: Argentina, Azerbaijan, Belarus, Bolivia, Cambodia, Costa Rica, Croatia, Georgia, Guinea-Bissau, Laos, Latvia, Mozambique, Nicaragua, Peru, Sao Tome, Principe, Tajikistan, Turkey và Uruguay.

35 nước có mức độ đô la hóa vừa phải với tỷ lệ tiền gửi/M2 khoảng 16,4%, bao gồm các nước: Albania, Armenia, Bulgaria, Cộng hòa Czech, Dominica, Ecuador, Egypt, El Salvador, Estonia, Guinea, Honduras, Hungary, Jamaica, Jordan, Lithuania, Macedonia, Malawi, Mexico,

---

Đoàn Văn Trường, Viện Nghiên cứu khoa học thị trường-giá cả.

Moldova, Mongolia, Pakistan, Philippines, Poland, Romania, Russia, Sierra Leone, Cộng hòa Slovak, Trinidad, Tobago, Uganda, Ukraine, Uzbekistan, Việt Nam, Yemen và Zambia.

Theo nghiên cứu của Hệ thống dự trữ Liên bang Mỹ, hiện tại người nước ngoài nắm giữ từ 55 đến 70% tổng số đô la Mỹ đang lưu hành trên thế giới.

### 2. Nguồn gốc của đô la hóa

*Trước hết*, đô la hóa là hiện tượng phổ biến xảy ra ở nhiều nước, đặc biệt là ở các nước chậm phát triển. Đô la hóa thường gặp khi một nền kinh tế có tỷ lệ lạm phát cao, sức mua của đồng bản tệ giảm sút thì người dân phải tìm các công cụ dự trữ giá trị khác, trong đó có các đồng ngoại tệ có uy tín. Song song với chức năng làm phương tiện cất giữ giá trị, dần dần đồng ngoại tệ sẽ cạnh tranh với đồng nội tệ trong chức năng làm phương tiện thanh toán hay làm thước đo giá trị.

Tình trạng đô la hóa bao gồm cả ba chức năng thuộc tính của tiền tệ, đó là:

- Chức năng làm phương tiện thước đo giá trị.
- Chức năng làm phương tiện cất giữ.
- Chức năng làm phương tiện thanh toán.

*Thứ hai*, hiện tượng đô la hóa bắt nguồn từ cơ chế tiền tệ thế giới hiện đại, trong đó tiền tệ của một số quốc gia phát triển, đặc biệt là đô la Mỹ, được sử dụng trong giao lưu quốc tế làm vai trò của “tiền tệ thế giới”. Nói cách khác, đô la Mỹ là một loại tiền mạnh, ổn định, được tự do chuyển đổi đã được lưu hành khắp thế giới và từ đầu thế kỷ XX đã dần thay thế vàng, thực hiện vai trò tiền tệ thế giới.

Ngoài đồng đô la Mỹ, còn có một số đồng tiền của các quốc gia khác cũng được quốc tế hóa như: bảng Anh, mác Đức, yên Nhật, franc Thụy Sĩ, euro của EU... nhưng vị thế của các đồng tiền này trong giao lưu quốc tế không lớn; chỉ có đô la Mỹ là chiếm tỷ trọng cao nhất (khoảng 70% kim ngạch giao dịch thương mại thế giới). Cho nên người ta thường gọi hiện tượng ngoại tệ hóa là “đô la hóa”.

*Thứ ba*, trong điều kiện của thế giới ngày nay, hầu hết các nước đều thực thi cơ chế kinh tế thị trường mở cửa; quá trình quốc tế hóa giao lưu thương mại, đầu tư và hợp tác kinh tế ngày càng tác động trực tiếp vào nền kinh tế và tiền tệ của mỗi nước, nên trong từng nước xuất hiện nhu cầu khách quan sử dụng đơn vị tiền tệ thế giới để thực hiện một số chức năng của tiền tệ. Đô la hóa ở đây có khi là nhu cầu, trở thành thói quen thông lệ ở các nước.

*Thứ tư*, mức độ đô la hóa ở mỗi nước khác nhau phụ thuộc vào trình độ phát triển nền kinh tế, trình độ dân trí và tâm lý người dân, trình độ phát triển của hệ thống ngân hàng, chính sách tiền tệ và cơ chế quản lý ngoại hối, khả năng chuyển đổi của đồng tiền quốc gia. Những yếu tố nói trên ở mức độ càng thấp thì quốc gia đó sẽ có mức độ đô la hóa càng cao.

Đối với trường hợp Việt Nam ngoài các yếu tố trên, chúng ta cần nhấn mạnh thêm một số nguyên nhân sau đây của hiện tượng đô la hóa:

- Tình trạng buôn lậu; nhất là buôn bán qua biên giới và trên biển khá phát triển và sự quản lý lỏng lẻo của chính quyền các cấp. Tình trạng các doanh nghiệp, các cửa hàng kinh doanh... bán hàng thu bằng ngoại tệ còn tùy tiện và diễn ra phổ biến.

- Thu nhập của các tầng lớp dân cư còn thấp, đa số dân cư có tâm lý tiết kiệm để dành, lo xa cho cuộc sống. Mối quan hệ giữa lãi suất nội tệ và ngoại tệ, xu hướng biến đổi của tỷ giá VNĐ/USD là nguyên nhân quan trọng của xu hướng tích trữ và gửi tiền bằng đô la. Trong các năm đầu thời kỳ đổi mới 1989 – 1992, lạm phát ở mức rất cao. Đồng tiền Việt Nam mất giá mạnh so với đồng đô la Mỹ, vàng t:ng giá rất lớn. Do đó nhiều người lựa chọn đô la để cất trữ và gửi ngân hàng. Trong các năm 1999 – 2001, lãi suất đô la Mỹ trên thị trường tiền tệ quốc tế tăng lên rất cao, đỉnh điểm giữa năm 2000 lên tới 6,5%/năm. Các ngân hàng thương mại trong nước tăng lãi suất huy động vốn đô la lên

tương ứng, đầu tư trên thị trường tiền gửi quốc tế, đem lại lợi ích thu nhập về lãi suất cho người dân và cho hệ thống ngân hàng.

Cũng do tỷ giá ổn định, lãi suất vay vốn đô la Mỹ bình quân chỉ có 3% - 4%/năm, thấp chỉ bằng 1/3 lãi suất vay vốn Việt Nam đồng, nên nhiều doanh nghiệp lựa chọn vay đô la Mỹ, làm cho tỷ trọng và số tuyệt đối dư nợ vốn vay đô la Mỹ tăng lên.

Bên cạnh đó nhiều người có tâm lý lo sợ sự mất giá của Việt Nam đồng, nên họ lựa chọn đô la Mỹ để gửi ngân hàng. Thực trạng đó còn do nguyên nhân đồng tiền Việt Nam mệnh giá còn nhỏ, cao nhất là tờ 500.000 đồng mới được đưa ra lưu thông vào cuối năm 2003, song tờ 100 USD lại tương ứng với gần 1.6 triệu đồng. Bởi vậy việc sử dụng đồng đô la tiện lợi trong các giao dịch lớn như: mua bán đất đai, nhà cửa, ô tô... Các hoạt động kinh tế ngầm vẫn diễn biến phức tạp, việc sử dụng đô la Mỹ tiện lợi hơn nhiều đối với họ.

- Thu nhập bằng đô la Mỹ trong các tầng lớp dân cư ngày càng được mở rộng và tăng lên. Đó là thu nhập của những người Việt Nam làm việc cho các công ty nước ngoài và các tổ chức quốc tế ở Việt Nam; tiền cho người nước ngoài thuê nhà và kinh doanh du lịch; khách quốc tế đến và chi tiêu đô la bằng tiền mặt ở Việt Nam; người nước ngoài sinh sống và làm việc ở Việt Nam tiêu dùng; tiền của người Việt Nam định cư ở nước ngoài gửi về; tiền của những người đi xuất khẩu lao động, đi học tập, hội thảo, làm việc ngắn ngày mang về.

Số liệu thống kê của Ngân hàng Nhà nước cho thấy, lượng kiều hối chuyển về nước ta các năm gần đây không ngừng tăng lên như sau: năm 1991: 35 triệu USD; 1992: 136,6 triệu USD; 1993: 140,98 triệu USD; 1994: 249,47 triệu USD; 1995: 284,96 triệu USD; 1996: 468,99 triệu USD; 1997: 400 triệu USD; 1998: 950 triệu USD; 1999: 1.200 triệu USD; 2000: 1.757 triệu USD; 2001: 1.820 triệu USD; 2002: 2.150 triệu USD; năm 2003: 2.580 triệu USD và 9 tháng đầu năm 2004 ước tính

khoảng 2,1 tỷ USD. Đó là con số thống kê được qua hệ thống ngân hàng, chưa kể ngoại hối được chuyển ngoài luồng, ngoại tệ tiền mặt người Việt Nam và Việt kiều mang trực tiếp theo người khi nhập cảnh.

- Lượng khách quốc tế đến Việt Nam cũng tăng nhanh, năm 1996 mới là 1,607 triệu lượt người; năm 1997 là 1,715 triệu;... ; năm 2002 là 2,628 triệu;...; và trong 9 tháng đầu năm 2004 đạt gần 2,9 triệu lượt người. Số lượng khách đó mang theo một số lượng lớn ngoại tệ, và chi tiêu bằng ngoại tệ tiền mặt tại các cơ sở tư nhân.

### 3. Những tác động của đô la hóa

Tình trạng “đô la hóa” nền kinh tế có tác động tích cực và tác động tiêu cực.

#### a. Những tác động tích cực:

- *Tạo một cái van giảm áp lực đối với nền kinh tế trong những thời kỳ lạm phát cao, bị mất cân đối và các điều kiện kinh tế vĩ mô không ổn định.* Do có một lượng lớn đô la Mỹ trong hệ thống ngân hàng, sẽ là một công cụ tự bảo vệ chống lại lạm phát và là phương tiện để mua hàng hóa ở thị trường phi chính thức.

Ở các nước đô la hóa chính thức, bằng việc sử dụng đồng ngoại tệ, họ sẽ duy trì được tỷ lệ lạm phát gần với mức lạm phát thấp ở các nước phát hành đồng ngoại tệ. Lạm phát thấp làm tăng sự an toàn đối với tài sản tư nhân, khuyến khích tiết kiệm và cho vay dài hạn. Hơn nữa, ở những nước này ngân hàng trung ương sẽ không còn khả năng phát hành nhiều tiền và gây ra lạm phát, đồng thời ngân sách nhà nước sẽ không thể trông chờ vào nguồn phát hành này để trang trải thâm hụt ngân sách, kỷ luật về tiền tệ và ngân sách được thắt chặt. Do vậy, các chương trình ngân sách sẽ mang tính tích cực hơn.

- *Tăng cường khả năng cho vay của ngân hàng và khả năng hội nhập quốc tế.* Với một lượng lớn ngoại tệ thu được từ tiền gửi tại ngân hàng, các ngân hàng sẽ có điều kiện cho vay nền kinh tế bằng ngoại tệ, qua đó

hạn chế việc phải vay nợ nước ngoài, và tăng cường khả năng kiểm soát của ngân hàng trung ương đối với luồng ngoại tệ. Đồng thời, các ngân hàng sẽ có điều kiện mở rộng các hoạt động đối ngoại, thúc đẩy quá trình hội nhập của thị trường trong nước với thị trường quốc tế.

- *Hạ thấp chi phí giao dịch.* Ở những nước đô la hóa chính thức, các chi phí như chênh lệch giữa tỷ giá mua và bán khi chuyển từ đồng tiền này sang đồng tiền khác được xóa bỏ. Các chi phí dự phòng cho rủi ro tỷ giá cũng không cần thiết, các ngân hàng có thể hạ thấp lượng dự trữ, vì thế giảm được chi phí kinh doanh.

- *Thúc đẩy thương mại và đầu tư.* Các nước thực hiện đô la hóa chính thức có thể loại bỏ rủi ro cân cân thanh toán và những kiểm soát mua ngoại tệ, khuyến khích tự do thương mại và đầu tư quốc tế. Các nền kinh tế đô la hóa có thể được các nhà đầu tư quốc tế tin tưởng hơn, chênh lệch lãi suất đối với vay nợ nước ngoài thấp hơn, chi ngân sách giảm xuống và thúc đẩy tăng trưởng và đầu tư.

- *Thu hẹp chênh lệch tỷ giá trên hai thị trường chính thức và phi chính thức.* Tỷ giá chính thức càng sát với thị trường phi chính thức, tạo ra động cơ để chuyển các hoạt động từ thị trường phi chính thức (bất hợp pháp) sang thị trường chính thức (thị trường hợp pháp).

### **b. Những tác động tiêu cực:**

- *Ảnh hưởng đến việc hoạch định các chính sách kinh tế vĩ mô.* Trong một nền kinh tế có tỷ trọng ngoại tệ lớn, việc hoạch định các chính sách kinh tế vĩ mô, đặc biệt là chính sách tiền tệ sẽ bị mất tính độc lập mà chịu nhiều ảnh hưởng bởi diễn biến kinh tế quốc tế, nhất là khi xảy ra các cuộc khủng hoảng kinh tế.

- *Làm giảm hiệu quả điều hành của chính sách tiền tệ:*

. Gây khó khăn trong việc dự đoán diễn biến tổng phương tiện thanh toán, do đó dẫn

đến việc đưa ra các quyết định về việc tăng hoặc giảm lượng tiền trong lưu thông kém chính xác và kịp thời.

. Làm cho đồng nội tệ nhạy cảm hơn đối với các thay đổi từ bên ngoài, do đó những cố gắng của chính sách tiền tệ nhằm tác động đến tổng cầu nền kinh tế thông qua việc điều chỉnh lãi suất cho vay trở nên kém hiệu quả.

. Tác động đến việc hoạch định và thực thi chính sách tỷ giá. Đô la hóa có thể làm cho cầu tiền trong nước không ổn định, do người dân có xu hướng chuyển từ đồng nội tệ sang đô la Mỹ, làm cho cầu của đồng đô la Mỹ tăng mạnh gây sức ép đến tỷ giá.

Khi các đối thủ cạnh tranh trên thị trường thế giới thực hiện phá giá đồng tiền, thì quốc gia bị đô la hóa sẽ không còn khả năng để bảo vệ sức cạnh tranh của khu vực xuất khẩu thông qua việc điều chỉnh lại tỷ giá hối đoái.

. Ở trong các nước đô la hóa không chính thức, nhu cầu về nội tệ không ổn định. Trong trường hợp có biến động, mọi người bất ngờ chuyển sang ngoại tệ có thể làm cho đồng nội tệ mất giá và bắt đầu một chu kỳ lạm phát. Khi người dân giữ một khối lượng lớn tiền gửi bằng ngoại tệ, những thay đổi về lãi suất trong nước hay nước ngoài có thể gây ra sự chuyển dịch lớn từ đồng tiền này sang đồng tiền khác (hoạt động đầu cơ tỷ giá). Những thay đổi này sẽ gây khó khăn cho ngân hàng trung ương trong việc đặt mục tiêu cung tiền trong nước và có thể gây ra những bất ổn định trong hệ thống ngân hàng.

Trường hợp tiền gửi của dân cư bằng ngoại tệ cao, nếu khi có biến động làm cho người dân đổ xô đi rút ngoại tệ, trong khi số ngoại tệ này đã được ngân hàng cho vay, đặc biệt là cho vay dài hạn, khi đó ngân hàng nhà nước của nước bị đô la hóa cũng không thể hỗ trợ được vì không có chức năng phát hành đô la Mỹ.

- *Chính sách tiền tệ bị phụ thuộc nặng nề vào nước Mỹ.* Trong trường hợp đô la hóa

chính thức, chính sách tiền tệ và chính sách lãi suất của đồng tiền khi đó sẽ do nước Mỹ quyết định. Trong khi các nước đang phát triển và một nước phát triển như Mỹ không có chu kỳ tăng trưởng kinh tế giống nhau, sự khác biệt về chu kỳ tăng trưởng kinh tế tại hai khu vực kinh tế khác nhau đòi hỏi phải có những chính sách tiền tệ khác nhau.

*- Đô la hóa chính thức sẽ làm mất đi chức năng của ngân hàng trung ương là người cho vay cuối cùng của các ngân hàng.* Trong các nước đang phát triển chưa bị đô la hoá hoàn toàn, mặc dù các ngân hàng có vốn tự có thấp, song công chúng vẫn tin tưởng vào sự an toàn đối với các khoản tiền gửi của họ tại các ngân hàng. Nguyên nhân là do có sự bảo lãnh ngầm của Nhà nước đối với các khoản tiền gửi này. Điều này chỉ có thể làm được đối với đồng tiền nội tệ, chứ không thể áp dụng được đối với đô la Mỹ. Đối với các nước đô la hoá hoàn toàn, khu vực ngân hàng sẽ trở nên bất ổn hơn trong trường hợp ngân hàng thương mại bị phá sản và sẽ phải đóng cửa khi chức năng người cho vay cuối cùng của ngân hàng trung ương đã bị mất.

#### **4. Thực trạng đô la hoá ở nước ta**

Hiện tượng nền kinh tế Việt Nam sử dụng rộng rãi đồng đô la Mỹ trong giao dịch buôn bán... bắt đầu được chú ý đến từ năm 1988 khi các ngân hàng được phép nhận tiền gửi bằng đồng đô la. Đến năm 1992, tình trạng đô la hóa đã tăng lên mạnh với hơn 41% lượng tiền gửi vào các ngân hàng là bằng đô la USD. Trước tình trạng này, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã cố gắng đảo ngược quá trình đô la hóa nền kinh tế và đã khá thành công khi giảm mạnh mức tiền gửi bằng USD vào các ngân hàng xuống còn 20% vào năm 1996. Nhưng tiếp theo đó cuộc khủng hoảng tài chính châu Á đã khiến cho đồng tiền Việt Nam giảm giá trị, và Việt Nam lại tiếp tục chịu sức ép của tình trạng đô la hóa. Đến cuối năm 2001, tỷ lệ đồng USD được gửi vào các ngân hàng tăng lên đến 31,7%. Tỷ lệ này có xu hướng giảm đáng kể trong những năm tiếp theo, đến năm 2003 còn 23,6% và 9 tháng đầu năm 2004 là

22%. Đây là xu hướng tích cực, cho thấy tình trạng đô la hóa tài sản nợ trong hệ thống ngân hàng thương mại đang được kiểm chế một cách có hiệu quả. Người dân đã có niềm tin vào đồng tiền nội địa nhiều hơn. Tuy nhiên về số tiền gửi tuyệt đối bằng đô la thì không ngừng tăng lên, hiện nay đã đạt số 7 tỷ USD. Con số này một mặt cho thấy tiềm lực nguồn vốn nhân rồi trong dân mà hệ thống ngân hàng có thể huy động được cho đầu tư phát triển kinh tế, những mặt khác cũng đáng quan tâm ở góc độ đô la hóa.

#### **Bảng thống kê tỷ lệ tiền gửi bằng đồng USD trên tổng lượng tiền gửi vào các ngân hàng Việt Nam (tính bằng %)**

Năm	Tỷ lệ %
1989	28,2
1990	32,4
1991	41,2
1992	30,6
1993	22,9
1994	22,2
1995	21,0
1996	20,3
1997	23,6
1998	24,6
1999	26,1
2000	26,9
2001	31,7
2002	28,4
2003	23,6

Trái với xu hướng biến đổi của cơ cấu tiền gửi, tỷ trọng dư nợ cho vay bằng đô la Mỹ so với tổng dư nợ và đầu tư của hệ thống ngân hàng thương mại lại có xu hướng tăng lên, cao hơn cả tiền gửi đô la. Đặc biệt là tại thành phố Hồ Chí Minh, dư nợ cho vay bằng đô la Mỹ cuối tháng 9-2004 đã tăng gấp 2 lần số dư cuối năm 2002.

Thông qua việc quan sát niêm yết giá và bán hàng hóa, dịch vụ thu ngoại tệ hiện nay, quan sát giao dịch mua bán ngoại tệ của

dân cư tại nhiều cửa hàng vàng bạc quy mô lớn ở Hà Nội, thông tin ghi nhận được từ các giao dịch kinh tế ngầm... có thể thấy mức độ sử dụng đô la Mỹ trong xã hội nước ta rất đáng quan tâm. Có thể nói Việt Nam là một nền kinh tế bị đô la hóa một phần. Tuy vậy, mức độ chính xác của đô la hóa là số liệu rất khó xác định.

Trong một số năm, khi lãi suất tiền gửi đồng đô la ở các ngân hàng nước ngoài ở mức cao, để sử dụng những đồng tiền đô la mà người dân đã gửi vào ngân hàng, các ngân hàng trong nước đã đem phần lớn nguồn đô la gửi ra các ngân hàng nước ngoài, chủ yếu là ở Singapore và Hồng Kông, để kiếm lãi suất cao. Điều này có tác động xấu bởi vì những đồng đô la đó đã không được sử dụng để đầu tư trong nước.

Đến năm 1992, lãi suất đồng đô la giảm mạnh, các ngân hàng Việt Nam không còn thu lời được từ các tài khoản ở nước ngoài nên đành rút một lượng lớn tiền về, con số đó khoảng từ 3 đến 4 tỷ USD. Lượng tiền gửi ở nước ngoài giảm đi chỉ còn một nửa tính đến thời điểm cuối năm 2003.

Sau khi rút tiền đô la từ ngân hàng nước ngoài về, các ngân hàng Việt Nam bắt đầu cho các doanh nghiệp trong nước vay bằng đồng đô la để sinh lợi. Tính đến cuối năm 2003, khoản tiền được các ngân hàng cho vay bằng đô la đã chiếm quá nhiều 28%.

Nếu nhìn về hình thức bên ngoài thì điều này có vẻ yên ổn đối với các ngân hàng, bởi vì họ nhận tiền gửi và cho vay đều bằng ngoại tệ nên có ít rủi ro. Nhưng nếu xem xét kỹ, chúng ta nhận thấy các doanh nghiệp đi vay sẽ gặp khó khăn khi đồng tiền Việt Nam bị giảm giá. Các doanh nghiệp này chủ yếu có doanh thu bằng đồng Việt Nam, nhưng họ phải trả nợ bằng đồng USD. Họ phải đứng trước các rủi ro về thay đổi tỷ giá giữa đồng USD và đồng tiền Việt Nam mà không có những công cụ để phòng tránh rủi ro.

Nếu đồng đô la tăng giá, nhiều doanh nghiệp Việt Nam sẽ mất khả năng thanh

toán nợ. Khi đó các ngân hàng chắc chắn sẽ bị ảnh hưởng và từ đó dẫn đến khủng hoảng kinh tế.

Nhưng trong thời điểm hiện tại, đang diễn ra tình trạng đồng đô la Mỹ bị sụt giá nhanh chóng. Tỷ giá hối đoái của đô la với Euro trong 4 năm qua đã sụt giảm 40%, riêng năm 2003 sụt giá 20%, các nhà quan sát cho rằng đồng đô la Mỹ còn tiếp tục sụt giá với mức độ nghiêm trọng hơn trong thời gian tới vì các lý do sau: nước Mỹ đang bị thâm hụt ngân sách nặng nề (459 tỷ USD, bằng 3,8% tổng GDP của cả nước); tổng số nợ của Chính phủ Mỹ trong năm tài chính 2004 là 7.586 tỷ USD (bằng 67,3% GDP cả nước) vượt quá mức báo động quốc tế; thâm hụt cán cân thanh toán vãng lai năm 2003 tăng vọt lên đến 530,7 tỷ USD; lượng đầu tư nước ngoài vào Mỹ giảm sút nghiêm trọng, trong năm 2003 giảm 44,9% so với năm 2002. Những vấn đề trên đã trở thành áp lực lớn làm cho đồng đô la sụt giá. Đồng thời mối quan hệ giữa Hoa Kỳ với thế giới A-rập xấu đi, làm cho một loạt nước xuất khẩu dầu mỏ Trung Cận Đông đã giảm bớt cất giữ và sử dụng đô la, mà chuyển qua sử dụng đồng Euro nhiều hơn trong thanh toán quốc tế và dự trữ ngoại tệ. Hơn nữa Liên bang Nga và một số nước khác cũng đã và đang có hành động tương tự. Tất cả những điều này gây thêm sức ép đối với đồng đô la Mỹ, làm tăng khả năng sụt giá của đồng đô la.

Vấn đề đặt ra là nếu đồng đô la Mỹ tiếp tục sụt giá mạnh thì những thiệt hại gì sẽ xảy ra, giả sử mức sụt giá là 20%, hệ quả tất yếu là thu ngoại tệ về xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ tính bằng đô la của tất cả các nước trên thế giới đều bị thiệt hại theo tỷ lệ tương ứng. Ngoài ra, kim ngạch dự trữ ngoại tệ và lượng vốn FDI của tất cả các nước tính bằng đô la cũng sẽ tự nhiên hao hụt tương ứng. Vốn liếng kinh doanh, tiền tiết kiệm, tiền lương, quỹ hưu trí, bảo hiểm, phúc lợi xã hội tính bằng đô la của tất cả mọi người có liên quan đều phải chịu thiệt hại. Ngược lại, các khoản phải trả về

nhập khẩu hàng hóa, dịch vụ chưa thanh toán, các khoản nợ vay nước ngoài bao gồm tiền gốc và lãi chưa trả tính bằng đô la đều mặc nhiên được giảm bớt tương ứng với tỷ lệ sụt giá của đồng đô la.

Như vậy, việc sử dụng đồng đô la như thế nào cho có hiệu quả là một vấn đề vô cùng phức tạp. Mặc dù những cách ngân hàng đã sử dụng đồng đô la cũng có một mặt tích cực nào đấy, nhưng cần phải có cách lựa chọn đúng đắn hơn là thực hiện những giải pháp kiềm chế và đẩy lùi tình trạng đô la hóa, tiến tới thực hiện trong nước chỉ có một đồng tiền duy nhất được lưu hành là đồng tiền Việt Nam.

Trong thực tế, chúng ta thấy rõ một số nền kinh tế thành công không bị đô la hóa, như tại Trung Quốc, các ngân hàng không được phép quyết định lãi suất tiền gửi bằng đô la.

Thông thường đô la hóa diễn ra khi đồng tiền của một nước bị đánh giá là yếu kém, và đồng đô la được coi là phương tiện dự trữ có giá trị. Tuy nhiên, không phải bất cứ quốc gia nào có đồng tiền yếu đều bị đô la hóa trực tiếp. Nhiều nước trên thế giới có nền kinh tế tương tự Việt Nam như ở Trung Quốc, Thái Lan, Braxin... không cho phép thanh toán các loại hàng hóa dễ dàng bằng đồng đô la. Chính việc cho phép sử dụng gần như hợp pháp hóa đồng USD tại Việt Nam để mua các loại hàng hóa như bất động sản, mặt hàng điện tử, xe cộ, phí khách sạn... đã làm tăng quá trình đô la hóa. Như trên đã phân tích, nếu tình hình không sớm được kiềm chế và đẩy lùi, có khả năng sẽ dẫn đến tình trạng khủng hoảng tài chính vào một thời điểm nào đấy, thật là vô cùng nguy hiểm.

### **5. Một số giải pháp kiềm chế và đẩy lùi tình trạng đô la hóa ở nước ta**

Đô la hóa là tình trạng khó tránh khỏi đối với các nước có xuất phát điểm thấp, đang trong quá trình chuyển đổi nền kinh tế và đẩy mạnh hội nhập quốc tế như Việt Nam. Tâm lý lo ngại về lạm phát, về sự

mất giá của đồng tiền nội tệ, thói quen sử dụng tiền mặt trong giao dịch... không thể một sớm, một chiều xoá bỏ hay giảm triệt để được.

Quan điểm, chủ trương của Đảng, Chính phủ và Ngân hàng trung ương trong vấn đề đô la hóa là rất rõ ràng: *xoá bỏ đô la hóa trong nền kinh tế - xã hội nước ta phải được thực hiện từng bước, từng khâu thích ứng với từng giai đoạn đổi mới, phát triển của đất nước; phải bằng nhiều giải pháp vừa kinh tế, vừa hành chính kết hợp với giáo dục pháp luật, điều chỉnh tâm lý xã hội trong lộ trình thực thi nhiều cơ chế kinh tế nghiệp vụ ngân hàng cụ thể nối tiếp nhau, để nâng vị thế của đồng tiền Việt Nam trong các chức năng thuộc tính của tiền tệ.*

Nghị quyết IV của Ban chấp hành Trung ương Đảng (khoá 8) trong phần đề cập những chủ trương chính sách lớn, riêng trong lĩnh vực tiền tệ - ngân hàng một lần nữa lại khẳng định yêu cầu *"Đẩy nhanh tiến độ thực hiện nguyên tắc trên đất nước Việt Nam phải thanh toán bằng tiền Việt Nam"*.

Việc xoá bỏ đô la hóa không thể xử lý theo quan điểm xoá bỏ sạch trơn, phủ định tất cả. Trong giai đoạn hiện nay cần cố gắng khai thác mặt lợi, thu hút vốn đô la trong dân vào hệ thống ngân hàng, đầu tư cho các dự án phát triển kinh tế - xã hội. Thị trường ngoại tệ và hoạt động kinh doanh tiền tệ ở nước ta đang hội nhập với thị trường tiền tệ quốc tế. Nói kiềm chế, đẩy lùi và hạn chế các mặt tiêu cực, có nghĩa là chúng ta chấp nhận sự tồn tại của đô la hóa ở những mặt tích cực khách quan. Điều quan trọng nhất là Nhà nước phải giữ vai trò chủ động để điều chỉnh hiện tượng đô la hóa; nhất quyết phải có các giải pháp hành chính - kinh tế - giáo dục đồng bộ để triệt tiêu các mặt tiêu cực của đô la hóa. Chúng ta không thể sử dụng lại các biện pháp hành chính đã từng áp dụng trong những thời gian trước đây như là: tăng tỷ lệ kết hối lên 100%, không cho nhận kiều hối bằng ngoại tệ, không nhận tiền gửi ngoại tệ

hoặc hạ thấp lãi suất tiền gửi ngoại tệ, chỉ cho phép doanh nghiệp được mở tài khoản ngoại tệ tại một ngân hàng... Những biện pháp hành chính này qua thực tiễn thực hiện đã chứng tỏ là chúng gây khó khăn cho các doanh nghiệp, không khuyến khích nguồn kiều hối chuyển về nước, và không phù hợp với xu hướng hội nhập với khu vực và thế giới. Do đó, để giữ được những mặt tích cực và hạn chế những mặt tiêu cực của đô la hóa, có thể thực hiện một số giải pháp sau đây:

(1) *Tạo môi trường đầu tư trong nước có khả năng hấp thụ được số vốn ngoại tệ hiện có trong dân bằng những biện pháp:*

. Thúc đẩy phát triển môi trường kinh tế vĩ mô, tạo môi trường cạnh tranh thực sự giữa các thành phần kinh tế trong cả sản xuất, thương mại, dịch vụ và kể cả lĩnh vực tài chính, ngân hàng.

. Mở rộng các dự án đầu tư của Chính phủ: dầu khí, cầu đường, điện lực... khuyến khích sự tham gia đầu tư của các thành phần kinh tế.

. Phát triển các công cụ tài chính như cổ phần, cổ phiếu, trái phiếu, đa dạng hóa các danh mục đầu tư trong nước.

Thay cho dự kiến phát hành trái phiếu ngoại tệ trên thị trường quốc tế, bằng việc mở rộng phát hành trái phiếu ngoại tệ ở trong nước, huy động vốn đô la ở trong dân.

(2) *Những giải pháp trong lĩnh vực tiền tệ*

. Cần tiếp tục cơ cấu tích cực mệnh giá đồng Việt Nam, phát triển dịch vụ ngân hàng và mở rộng thanh toán không dùng tiền mặt trong nền kinh tế. Đẩy mạnh tuyên truyền về sử dụng thẻ, kể cả thẻ tín dụng quốc tế.

. Thay cho việc chỉ gắn với đồng đô la Mỹ như trước đây, tỷ giá ngang giá nên gắn với một "rổ" tiền tệ (bao gồm một số ngoại tệ mạnh như USD, EURO, JPY và một số đồng tiền của các nước trong khu vực như Trung Quốc, Hàn Quốc,...), các đồng tiền này tham gia vào "rổ" tiền tệ theo tỷ trọng quan hệ thương mại và đầu tư với Việt

Nam. Việc xác định tỷ giá như trên nhằm giảm bớt sự lệ thuộc của đồng Việt Nam vào đô la Mỹ, và phản ánh xác thực hơn quan hệ cung cầu trên thị trường trên cơ sở có tính đến xu hướng biến động các đồng tiền của các nước bạn hàng lớn.

. Các ngân hàng chỉ được phép cho vay đồng USD đối với những đối tượng có doanh thu trực tiếp và có khả năng chi trả bằng đồng USD. Còn tất cả các doanh nghiệp trong nước khác vay các ngân hàng thương mại trong nước đều thực hiện bằng đồng bản tệ, khi cần ngoại tệ để thanh toán với quốc tế thì mua ngoại tệ tại thị trường hối đoái để mở LC thanh toán.

. Không được duy trì quyền sở hữu ngoại tệ không có nguồn gốc hợp pháp. Cần có quy chế rõ ràng rằng quyền sở hữu ngoại tệ của dân cư là sở hữu ngoại tệ hợp pháp chuyển từ nước ngoài vào; không cho phép sở hữu số ngoại tệ có được do sự trao đổi lòng vòng ở chợ đen, rồi biến số đó thành sở hữu riêng.

. Sử dụng các công cụ của chính sách tiền tệ (như lãi suất, dự trữ bắt buộc...) để tác động đến điều kiện thị trường nhằm làm cho đồng Việt Nam hấp dẫn hơn đô la Mỹ. Qua đó hạn chế xu hướng chuyển đổi từ đồng Việt Nam sang đô la Mỹ. Trong điều kiện hiện nay, lãi suất cơ bản không thay đổi, Ngân hàng Nhà nước có thể thực hiện điều chỉnh tăng lãi suất tái cấp vốn và lãi suất tái chiết khấu nhằm phát tín hiệu để các ngân hàng thương mại tăng lãi suất huy động đồng Việt Nam.

(3). Cần nhất quán chủ trương quản lý lưu hành ngoại tệ theo hướng "Trên đất nước Việt Nam chỉ chi trả bằng đồng Việt Nam". Muốn vậy, cần có các quy định về việc sử dụng ngoại tệ của cá nhân như sau:

. Chi trả bằng ngoại tệ ở Việt Nam, bao gồm tiền mặt hay chuyển khoản cũng không được phép, trừ duy nhất trường hợp trả chuyển khoản cho các tổ chức kinh doanh được Ngân hàng Nhà nước cho phép tiếp tục thu ngoại tệ.



Việc chi trả cho người hưởng trong nước các khoản tiền như kiều hối, tiền lương, thu nhập từ xuất khẩu lao động... bằng ngoại tệ tiền mặt theo yêu cầu cũng nên chấm dứt. Việc này chỉ thực hiện bằng tài khoản tiền gửi ngoại tệ hoặc chi trả bằng tiền Việt Nam.

. Cá nhân có tài khoản ngoại tệ gửi tại ngân hàng thương mại chỉ rút ra bằng tiền mặt ngoại tệ để cất giữ riêng hoặc để đưa đi nước ngoài chi tiêu.

. Ngăn chặn và giảm dần các hoạt động kinh tế ngầm, kiểm soát chặt chẽ tình trạng buôn lậu, tình trạng bán hàng thu ngoại tệ trong nước. Cần có biện pháp hạn chế đến mức tối đa việc lưu thông và sử dụng đô la Mỹ, niêm yết giá bằng đô la Mỹ trên thị trường Việt Nam.

Quá trình kiểm chế và đẩy lùi tình trạng đô la hóa thành công là một tiền đề cần thiết để Việt Nam có được một cơ chế tỷ giá hối đoái linh hoạt hơn. Với sự mở cửa của

khu vực tài chính trong những năm tới, và sự tự do hóa giao dịch tài khoản vốn, việc đạt được mục tiêu kiểm chế và đẩy lùi tình trạng đô la hóa là việc làm rất khó khăn. Muốn làm được cần phải có thời gian và có quyết tâm cao. Điều quan trọng là những mặt tích cực mang lại lợi ích của hiện tượng đô la hóa trên thị trường Việt Nam không bị xoá bỏ, nó tồn tại đan xen trong cơ chế thị trường mở cửa và hội nhập, được sử dụng như một giải pháp bổ sung trong chính sách tiền tệ tích cực của đất nước trong giai đoạn mới, còn những mặt tiêu cực của đô la hóa thì cần phải được kiểm chế, đẩy lùi và xoá bỏ./.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Tạp chí Ngân hàng các số: số 1, số 2 năm 2001; số 1, số 8 năm 2002; số 14 năm 2003.
2. Báo điện tử-Thời báo kinh tế Việt Nam, ngày 19-10-2004; 25-10-2004.
3. Bản tin Vietnam Economy, ngày 18-7-2004.